

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG

TRƯỜNG: MẦM NON SƯ LƯ

BẢNG THỰC ĐƠN ĂN CỦA HỌC SINH ĂN TRƯA

(Tháng 2 năm 2025)

THỨ TRONG THÁNG	BỮA TRƯA	Bữa phụ	Có sự điều chỉnh
THỨ 2	1. Glô lỵ rim cà chua	Bánh qui kem	
	2. Canh rau(hoặc củ quả)		
THỨ 3	1. Thịt lợn móng hoặc vai xào rau, hoặc củ, quả	Cháo thịt lợn móng hoặc vai	
	2. Canh rau(hoặc củ quả)		
THỨ 4	1. Trứng vịt xào thịt lợn móng hoặc Vai	Bún thịt lợn móng hoặc vai	
	2. Canh rau(hoặc củ quả)		
THỨ 5	1. Thịt Lợn móng hoặc vai xào rau, hoặc củ, quả	Cháo thịt lợn móng hoặc vai	
	2. Canh rau(hoặc củ quả)		
THỨ 6	1. Chả cá(Cá ngừ) rim cà chua	Bánh qui kem	
	2. Canh rau(hoặc củ quả)		

Na Son, ngày 03 tháng 2 năm 2025

KẾ TOÁN

PHỤ TRÁCH BẾP

HIỆU TRƯỞNG



Ly A Hạ



Lò Thị Thu



Lò Thị Linh

BẢNG CÔNG KHAI ĐỊNH MỨC, KHẨU PHẦN ĂN LỚP (MẪU GIÁO)

THEO THỰC ĐƠN THÁNG 2 NĂM HỌC 2024-2025

(Từ ngày 03 đến ngày 28/2 năm 2025)

Số ngày báo ăn ước thực hiện tháng 2/2025 là: 20 ngày

Định mức: 8.000 đ

Bữa chính trưa: 7.000 đồng/ngày/cháu

Bữa phụ chiều: 1.000 đồng/ngày/cháu

400 -

STT	Tên hàng	ĐVT	Bữa chính trưa	Bữa phụ chiều	Đơn giá	Định mức tiền/học sinh		Các ngày trong tuần	Ghi chú
1	Gạo tẻ + nếp	Kg	0,12	Gạo phụ huynh đóng góp					
2	Muối	Kg	0,010		5.000		50	Thứ 2,3,4,5,6	
3	Dầu rửa bát Sunlight	Chai	0,008		20.000		150		
4	Dầu ăn cái lân	Lít	0,002		55.000		100		
5	Mì chính vedan	Kg	0,002		65.000		100		
6	Giò lụa rim	Kg	0,037		150.000	5.600	6.100	Thứ 2	
7	Cà chua	Kg	0,020		25.000	500		Thứ 3	
8	Thịt lợn móng xào	Kg	0,040		140.000	5.600			
9	Su su	Kg	0,029		17.000	500		Thứ 4	
10	Trứng vịt xào	Quả	1,275		4.000	5.100			
11	Thịt lợn móng	Kg	0,007		140.000	1.000		Thứ 5	
12	Thịt lợn móng xào	Kg	0,040		140.000	5.600			
13	Su su	Kg	0,029		17.000	500		Thứ 6	
14	Chả cá (Cá ngừ) rim	Kg	0,056		100.000	5.600			
15	Cà chua	Kg	0,020		25.000	500	1.000	Thứ 2,6	
16	Bánh qui kem	Gói		0,043	23.000			Thứ 3	
17	Cháo thịt lợn móng	Kg		0,007	140.000			Thứ 4	
18	Bún	Kg		0,028	25.000	700			
19	Thịt lợn móng	Kg		0,007	140.000	300	500	Thứ 2,3,4,5,6	
20	Rau củ quả	Kg	0,029		17.000				
Tổng cộng						8.000			

Kế toán

Phụ Trách bếp

Hiệu trưởng



Ly A Hạ

Lò Thị Thu

Lò Thị Linh

PGD&ĐT HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG

TRƯỜNG: MẦM NON SƯ LƯ

BẢNG CÔNG KHAI ĐỊNH MỨC, KHẨU PHẦN ĂN LỚP (NHÀ TRẺ)

THEO THỰC ĐƠN THÁNG 2 NĂM HỌC 2024-2025

(Từ ngày 03 đến ngày 28/2 năm 2025)

Số ngày báo ăn ước thực hiện tháng 2/2025 là: 20 ngày

Định mức: 6.800 đ

Bữa chính trưa: 5.800đồng/ngày/cháu

Bữa phụ chiều: 1.000 đồng/ngày/cháu

STT	Tên hàng	ĐVT	Bữa chính trưa	Bữa phụ chiều	Đơn giá	Định mức tiền/học sinh		Các ngày trong tuần	Ghi chú
STT	Tên hàng	ĐVT	Bữa chính trưa	Bữa phụ chiều	Đơn giá	Định mức tiền/học sinh		Các ngày trong tuần	Ghi chú
1	Gạo tẻ + nếp	Kg	0,12	Gạo phụ huynh đóng góp					
2	Muối	Kg	0,010		5.000		50	Thứ 2,3,4,5,6	
3	Dầu rửa bát Sunlight	Chai	0,008		20.000		150		
4	Dầu ăn cái lân	Lít	0,002		55.000		100		
5	Mì chính vedan	Kg	0,002		65.000		100		
6	Giò lụa rim	Kg	0,029		150.000	4.400	4.900	Thứ 2	
7	Cà chua	Kg	0,020		25.000	500		Thứ 3	
8	Thịt lợn móng xào	Kg	0,031		140.000	4.400		Thứ 4	
9	Su su	Kg	0,029		17.000	500		Thứ 5	
10	Trứng vịt xào	Quả	0,975		4.000	3.900		Thứ 6	
11	Thịt lợn móng	Kg	0,007		140.000	1.000			
12	Thịt lợn móng xào	Kg	0,031		140.000	4.400			
13	Su su	Kg	0,029		17.000	500			
14	Chả cá (Cá ngừ) rim	Kg	0,044		100.000	4.400			
15	Cà chua	Kg	0,020		25.000	500			
16	Bánh qui kem	Gói		0,043	23.000		1.000	Thứ 2,6	
17	Cháo thịt lợn móng	Kg		0,007	140.000			Thứ 3	
18	Bún	Kg		0,028	25.000	700		Thứ 4	
19	Thịt lợn móng	Kg		0,007	140.000	300			
20	Rau củ quả	Kg	0,029		17.000		500	Thứ 2,3,4,5,6	
Tổng cộng						6.800			

Kế toán

Phụ Trách bếp

Thị

ly A Hn

Thị
Lô Thị Thu

